

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2024/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 22 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số nội dung chi, mức hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI BỐN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách thực hiện các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 170/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung chi, mức hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 70/BC-BKTNS ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Ban Kinh tế-Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định một số nội dung chi, mức hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (gọi tắt là Chương trình).

b) Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021–2025 và các văn bản pháp luật, hướng dẫn hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.

Điều 2. Chi tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng, vùng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho các cá nhân, tổ chức

1. Nội dung hỗ trợ: Chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng, vùng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho các cá nhân, tổ chức. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) và nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh.

2. Mức hỗ trợ: Tối đa 100% chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương.

Điều 3. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại

1. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ cơ giới hóa: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp; Thông tư số 08/2014/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp và Thông tư số 02/2016/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 02 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung danh mục chủng loại máy, thiết bị được hưởng chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 08/2014/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại: Thực hiện theo Nghị quyết số 332/2020/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Hội

đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách khuyến khích đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Mức hỗ trợ: Ngân sách trung ương hỗ trợ không quá 50%, phần còn lại từ ngân sách địa phương và các nguồn xã hội hóa để hỗ trợ cho 01 cơ sở, tổ chức, cá nhân theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Chi hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Mức hỗ trợ: Ngân sách trung ương hỗ trợ không quá 50%, phần còn lại từ ngân sách địa phương và các nguồn xã hội hóa để hỗ trợ xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền

1. Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Mức hỗ trợ: Ngân sách địa phương hỗ trợ không quá 50%, phần còn lại thực hiện xã hội hóa để hỗ trợ một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6. Nội dung và mức chi hỗ trợ theo quy định tại Điều 83, khoản 1 Điều 90, điểm d khoản 2 Điều 94, khoản 2 Điều 103, khoản 1 Điều 104, Điều 105, khoản 1 Điều 106, điểm a khoản 2 Điều 108, điểm a khoản 2 Điều 111 Thông tư số 55/2023/TT-BTC

1. Nội dung hỗ trợ

a) Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp áp thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT.

b) Chi hỗ trợ lựa chọn, hoàn thiện và nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương theo quy định tại Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2021 phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021-2025 và văn bản hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Chi hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Chi hỗ trợ tổ chức thực hiện đề án/kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thí điểm và hỗ trợ nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện mô hình phân loại rác tại nguồn phát sinh theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

đ) Chi hỗ trợ xây dựng các mô hình về thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải hữu cơ, chất thải nông nghiệp, phụ phẩm nông nghiệp, chất thải nhựa theo nguyên lý tuần hoàn; mô hình cộng đồng dân cư không rác thải nhựa theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

e) Chi đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, nhưng nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn tài nguyên theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

g) Chi hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình thôn, xóm, sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

h) Chi hỗ trợ xây dựng và triển khai thí điểm một số mô hình thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình theo Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT.

i) Chi hỗ trợ triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02 tháng 08 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT.

2. Mức hỗ trợ: Ngân sách trung ương hỗ trợ không quá 50%, phần còn lại từ ngân sách địa phương và các nguồn xã hội hóa để hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi xây dựng, quản lý mô hình thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Điều 7. Nội dung và mức chi hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 116, điểm c khoản 2 Điều 117, khoản 4 Điều 119 và khoản 7 Điều 122 Thông tư số 55/2023/TT-BTC

1. Nội dung hỗ trợ

a) Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp theo hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

b) Chi hỗ trợ thành lập mô hình và duy trì sinh hoạt mô hình Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp; mạng lưới cố vấn/tư vấn cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh và mới thành lập do phụ nữ làm chủ. Nội dung cụ thể xây dựng mô hình thực hiện theo hướng dẫn của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam.

c) Chi hỗ trợ xây dựng các mô hình điểm và nhân rộng các mô hình sẵn có nhằm vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”. Nội dung cụ thể xây dựng mô hình thực hiện theo hướng dẫn của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam.

d) Chi thí điểm và nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng.

2. Mức hỗ trợ: Ngân sách địa phương hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được cấp thẩm quyền phê duyệt, phân bổ kinh phí thực hiện trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế mới ban hành.

4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết 42/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định một số nội dung chi và mức hỗ trợ từ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

5. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X, Kỳ họp thứ Hai mươi bốn thông qua ngày 18 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2024./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Mai Văn Huỳnh